

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2024

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh SL tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cẩm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 18-12-2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29-01-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19-02-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22-02-2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị H, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản NC, xã CL, huyện TC, tỉnh SL.

2. Bị đơn: Anh Lường Văn T, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản P, xã CL, huyện TC, tỉnh SL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn chị Lường Thị H trình bày:

Chị Lường Thị H và anh Lường Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2019 tại UBND xã CL, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng tư tưởng sống, quan điểm sống khác biệt, vợ chồng đã nói chuyện với nhau để hàn gắn nhưng tính tình không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại chị Lường Thị H và anh Lường Văn T đã sống ly thân từ đầu tháng

12/2023. Chị Lường Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị Lường Thị H yêu cầu ly hôn với anh Lường Văn T.

Về con chung: Chị Lường Thị H và anh Lường Văn T có 01 con chung là cháu Lường LT, sinh ngày 20/7/2020. Hiện tại cháu Lường LT sống cùng chị Lường Thị H.

Chị Lường Thị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lường LT.

Chị Lường Thị H làm giáo viên mầm non với thu nhập khoảng 9.000.000đ/tháng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị H cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai và tại phiên hòa giải, bị đơn anh Lường Văn T trình bày:

Anh Lường Văn T và chị Lường Thị H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2019 tại UBND xã CL, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc với nhau không phát sinh mâu thuẫn gì, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 12/2023, anh T không rõ nguyên nhân. Anh Lường Văn T và chị Lường Thị H đã sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay, anh T có thăm gặp náu kéo chị H nhưng chị H không nghe. Anh Lường Văn T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn với chị Lường Thị H.

Về con chung: Anh Lường Văn T và chị Lường Thị H có 01 con chung: Cháu Lường LT, sinh ngày 20/7/2020.

Nếu ly hôn, anh Lường Văn T nhất trí giao cháu Lường LT cho chị Lường Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh T cam đoan không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lường Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như trong bản tự khai và xin miễn án phí.

Đối với bị đơn anh Lương Văn T: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lương Văn T để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Lương Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 19/01/2024: Anh Lương Văn T và chị Lương Thị H có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau tại bản P, xã CL, huyện TC, tỉnh SL. Quá trình chung sống có mâu thuẫn hay không và nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm được. Vợ chồng chị H, anh T đã sống ly thân.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị H được ly hôn anh Lương Văn T.

Về con chung: Giao cháu Lương LT, sinh ngày 20/7/2020 cho chị Lương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lương Thị H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lương Thị H yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lương Văn T có nơi cư trú tại bản P, xã CL, huyện TC, tỉnh SL. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lương Thị H vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị H và anh Lương Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2019 tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng chị H, anh T chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khác biệt quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, anh T đã chủ động hòa giải nhiều lần nhưng chị H không nghe. Đến tháng 12/2023, chị Lương Thị H và anh Lương Văn T đã sống ly thân. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Lương Văn T.

Anh Lương Văn T vẫn còn tình cảm vợ chồng nên không nhất trí ly hôn với chị Lương Thị H.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị H và anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng không thành, mâu thuẫn không thể hàn gắn, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, anh T đã hòa giải khuyên bảo nhưng chị H không nghe, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian không thể hòa hợp, dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lương Thị H ly hôn với anh Lương Văn T.

[3] Về con chung: Chị Lương Thị H và anh Lương Văn T có 01 con chung: Cháu Lương LT, sinh ngày 20/7/2020. Hiện tại cháu Lương LT sống cùng chị Lương Thị H.

Chị Lương Thị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lương LT. Anh Lương Văn T nhất trí giao cháu Lương LT cho chị Lương Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy: Ý kiến của chị Lương Thị H và anh Lương Văn T đều đồng nhất giao cháu Lương LT cho chị Lương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị

Lường Thị H có nơi ở, có công việc và thu nhập ổn định. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị Lường Thị H đảm bảo được sự phát triển tốt về mọi mặt cho cháu Lường LT. Do đó, cần giao cháu Lường LT cho chị Lường Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lường Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. (Chị Lường Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con)

Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị Lường Thị H và anh Lường Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản riêng: Không có.

[7] Về nợ chung: Chị H, anh T cam đoan không có nợ chung.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị Lường Thị H là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lường Thị H. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị H được ly hôn anh Lường Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lường LT, sinh ngày 20/7/2020 cho chị Lường Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lường Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. (Chị Lường Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con)

4. Về tài sản chung: Chị Lường Thị H và anh Lường Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị H, anh T cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lường Thị H. Hoàn trả chị Lường Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh SL là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000953, ngày 18 tháng 12 năm 2023.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị H, anh Lường Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã CL, huyện TC, tỉnh SL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Nghĩa